SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP.HCM
TRƯỜNG TRUNG CẤP QUANG TRUNG
KHOA Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM TOÀN KHÓA_ XÉT ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP -LẦN 1 - KHÓA THI NGÀY 19/12/2016
NGÀNH: Y SỸ, KHÓA: 8 (ĐỢT 1,2) - NIÊN KHÓA: 2015-2017
LỚP: Y8VBE2

Tổng số ĐVHT toàn khóa: 93

							HỌC PHẦN																																			TỔNG KẾT HỌC KỲ I					
STT	MSSV	Họ Và Tên		Giới tính	Ngày Tháng Năm sinh	Nơi sinh	Giáo dục thể chất (HPĐK)	Chính trị	Pháp luật	Tin học đại cương	Vi sinh Ký sinh trùng	Giải phẫu sinh lý	Dược lý	Vệ sinh phòng bệnh	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	Bệnh học Nội	Điều dưỡng CB & ...	TT ĐDCB và KTĐ	Dinh dưỡng	Bệnh truyền nhiễm	Sức khỏe trẻ em	Anh văn cơ bản	TT lâm sàng Nội	Bệnh học ngoại	GDQP (HPĐK)	Sức khỏe sinh sản	Anh văn chuyên ngành	Bệnh chuyên khoa	TT Lâm sàng ngoại	TT Lâm sàng Nhi	Y học cổ truyền	TT Truyền nhiễm	TT Sản phụ khoa	Tin học chuyên ngành	Tổ chức quản lý y tế	Y tế cộng đồng	Phục hồi chức năng	Kỹ năng giao tiếp	TT Lâm sàng y học ...	Thực tập cộng đồng	Thực tập tốt nghiệp	Điểm TB TK	% Số ĐVHT thi lại	Xếp loại học tập TK	Xếp loại rèn luyện TK	Ghi chú	Lớp
							2	5	2	2	2	5	3	2	3	5	3	2	2	5	5	3	3	4	3	5	2	4	3	3	2	1	1	2	2	3	2	2	1	1	3						
							TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK		TK	TK	TK						
1	15YS00369	Phạm Thế	Dân	Nam	26/03/1990	Thái Bình	7.2	6.6	6.5	6.7	7.7	7.8	7.6	5.0	8.4	7.5	7.6	9.0	8.8	9.0	7.0	5.8	7.5	8.2	7.5	8.4	5.8	9.7	8.0	8.0	6.0	8.0	8.0	6.7	7.8	7.3	7.9	8.4	8.0	8.0	5.0	8.0	0.0	Khá	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
2	15YS00362	Trịnh Thị Thùy	Hân	Nữ	05/10/1984	Đồng Nai	9.0	7.0	8.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.3	9.0	8.8	5.5	9.0	8.2	9.2	7.6	8.0	6.5	7.5	7.0	8.1	7.0	9.2	8.0	6.0	7.1	8.0	8.0	7.0	5.0	7.8	6.7	9.0	8.0	6.0	8.0	7.9	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
3	15YS00363	Bùi Thị	Hậu	Nữ	10/12/1994	Bình Định	7.9	6.1	5.9	6.0	8.5	6.1	6.4	7.3	7.0	7.3	7.3	9.0	8.8	9.5	7.1	6.4	6.0	7.0	6.7	9.2	8.6	9.6	8.0	7.5	6.3	8.0	6.0	8.0	6.0	5.9	6.2	7.0	6.0	7.5	8.0	7.6	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
4	15YS00309	Dương Sông	Hồ	Nam	12/10/1976	Long An	9.0	7.5	8.2	8.9	8.9	6.5	6.3	6.3	5.0	7.9	8.0	9.0	8.8	9.4	8.4	9.0	7.5	8.6	8.9	7.7	9.0	9.8	8.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.9	7.7	5.8	7.0	5.0	6.0	7.0	5.0	7.7	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
5	15YS00366	Phan Thị Diệu	Hoa	Nữ	17/08/1960	Hà Nội	6.9	5.9	6.0	5.9	7.8	5.1	6.0	5.5	6.0	7.8	6.6	9.0	8.3	8.8	6.2	5.9	7.0	7.8	6.0	8.1	5.3	9.3	8.0	6.0	7.6	8.0	7.0	5.2	6.5	5.6	5.4	6.0	7.0	6.0	8.0	7.3	3.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
6	15YS00310	Phan Thị Huy	Hoàng	Nữ	24/04/1986	An Giang	8.6	8.6	7.0	7.5	8.4	8.2	7.9	9.6	8.7	8.9	7.8	9.0	9.7	7.0	5.1	7.7	10.0	7.6	9.1	8.9	7.7	8.4	10.0	10.0	7.2	10.0	10.0	7.5	8.7	7.8	7.1	8.7	10.0	10.0	5.0	8.1	0.0	Giỏi	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
7	15YS00311	Lâm Văn	Lượng	Nam	1981	Tiền Giang	5.3	5.6	5.0	7.5	8.4	7.4	7.7	6.7	6.7	7.5	7.2	9.0	9.5	8.7	6.2	7.1	6.0	7.9	7.0	8.5	7.1	8.2	8.0	6.0	6.1	8.0	7.0	7.5	7.0	5.5	5.7	6.7	7.0	6.0	5.0	7.4	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
8	15YS00312	Lê Văn	Minh	Nam	30/10/1989	TP.HCM	6.2	5.0	5.5	6.0	7.8	5.7	6.5	7.9	7.2	7.4	6.6	9.0	7.6	9.2	7.4	6.0	6.0	7.6	6.0	7.9	6.0	9.9	8.0	6.5	6.3	8.0	6.0	7.0	6.5	5.6	7.3	7.2	6.0	6.5	6.0	7.3	3.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
9	15YS00313	Trịnh Thị	Nga	Nữ	11/07/1987	Hà Tĩnh	8.7	5.9	7.0	6.0	7.5	7.5	8.0	9.0	7.0	8.2	6.0	9.0	8.8	9.1	6.9	8.0	6.5	8.0	8.7	9.5	7.7	9.7	8.0	6.5	7.0	8.0	7.5	6.5	8.2	7.8	6.5	7.0	7.5	6.5	8.0	8.1	0.0	Giỏi	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
10	15YS00172	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	15/12/1988	Long An	8.7	8.7	9.0	9.4	7.3	6.4	5.2	8.1	5.4	7.4	6.0	9.0	8.9	9.0	7.2	9.5	6.0	7.4	7.3	8.6	9.5	9.7	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	9.4	6.7	7.0	6.4	5.4	6.0	6.0	5.0	7.4	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
11	15YS00314	Hồ Minh	Siên	Nam	13/09/1984	Long An	8.7	7.0	9.0	9.5	10.0	8.1	8.2	8.5	8.2	9.0	8.1	9.0	9.5	9.2	7.5	8.8	7.0	7.9	8.8	9.7	8.8	9.7	10.0	8.0	6.6	10.0	5.0	9.5	8.8	7.6	7.3	8.2	5.0	8.0	8.0	8.4	0.0	Giỏi	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
12	15YS00315	Phạm Duy	Tân	Nam	16/03/1988	Đăk Lăk	7.2	6.1	6.9	5.0	7.9	5.6	7.6	5.1	7.0	6.1	7.2	9.0	7.7	8.8	5.4	5.2	5.0	6.6	6.7	7.2	8.0	8.8	8.0	6.5	7.1	8.0	6.0	7.5	7.9	5.6	6.2	7.0	6.0	6.5	8.0	6.9	3.0	TB Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
13	15YS00367	Phan Hồng	Tân	Nam	16/09/1986	Tiền Giang	6.0	5.8	9.0	10.0	7.9	5.8	6.5	7.5	6.5	7.6	7.3	9.0	8.8	9.6	5.8	7.6	7.0	8.3	MH	8.1	7.6	9.0	8.0	6.0	7.2	8.0	7.0	10.0	5.5	7.1	6.9	6.5	7.0	6.0	8.0	7.6	4.5	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
14	15YS00358	Nguyễn Thanh	Trong	Nam	01/01/1988	Long An	6.0	7.0	6.0	7.0	7.6	5.5	6.4	6.9	7.0	7.6	6.9	9.0	8.2	9.1	6.1	6.5	6.0	7.9	6.0	9.1	7.0	9.5	8.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	5.0	7.9	6.5	7.0	7.0	6.0	8.0	7.5	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
15	15YS00359	Trần Quốc	Tuấn	Nam	05/04/1988	Kiên Giang	9.5	5.4	7.0	6.9	6.0	8.2	6.4	7.7	8.0	5.3	7.1	9.0	7.7	9.0	5.6	5.8	9.5	7.8	8.0	8.6	5.8	8.9	9.5	9.5	6.3	9.5	9.5	7.2	6.7	5.9	6.9	8.0	9.5	9.5	5.0	7.7	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
16	15YS00371	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	05/09/1983	Tiền Giang	10.0	7.5	8.5	8.3	8.2	9.0	8.1	10.0	8.3	7.4	8.8	9.0	7.6	9.0	7.5	8.0	6.5	7.8	8.4	8.3	8.0	9.9	8.0	6.0	8.6	8.0	6.5	8.3	7.0	6.9	8.0	8.3	6.5	6.0	7.0	7.7	0.0	Khá	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
17	15YS00360	Ngô Thanh	Tùng	Nam	06/05/1988	Tiền Giang	8.3	6.2	8.5	10.0	8.2	7.4	7.2	6.9	6.7	8.4	7.6	9.0	8.2	9.2	7.7	8.1	8.0	8.7	MH	8.0	8.1	9.8	8.0	7.5	7.5	8.0	6.0	10.0	7.2	5.3	7.4	6.7	6.0	7.5	5.0	7.8	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
18	15YS00317	Hứa Văn	Tùng	Nam	10/02/1989	An Giang	10.0	6.0	6.2	6.6	7.7	6.0	5.0	5.1	9.0	7.1	6.0	9.0	8.2	9.2	5.6	5.5	6.0	7.5	8.9	7.1	5.0	8.5	8.0	6.0	7.2	8.0	6.0	7.1	5.4	5.2	5.7	9.0	6.0	6.0	8.0	7.0	3.0	TB Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
19	15YS00318	Nguyễn Thị Thu	Vân	Nữ	15/12/1984	TP.HCM	8.8	8.6	8.3	9.8	8.2	8.6	9.0	9.5	8.7	9.0	8.9	9.0	8.8	9.7	6.8	7.8	8.0	7.9	8.6	9.5	8.7	9.4	8.0	7.5	7.5	8.0	6.5	9.8	7.0	7.8	6.9	8.7	6.5	7.5	8.0	8.3	0.0	Giỏi	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
20	15YS00319	Đỗ Thị Bích	Vân	Nữ	10/08/1985	Bình Thuận	9.0	7.4	6.3	8.2	8.7	7.9	9.1	7.7	6.5	8.2	7.4	9.0	10.0	9.7	8.3	8.7	8.5	7.9	8.3	9.5	8.7	9.9	9.5	9.0	7.5	9.5	8.5	8.2	7.5	5.9	7.5	6.5	8.5	9.0	8.0	8.7	0.0	Giỏi	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
21	15YS00320	Phạm Tấn	Vinh	Nam	24/09/1989	Bến Tre	5.5	6.4	7.0	7.0	5.5	6.0	6.5	6.0	6.0	6.0	7.0	9.0	7.0	8.6	5.3	6.0	6.0	6.9	6.0	7.5	6.0	9.1	8.0	7.0	6.3	8.0	6.0	7.0	5.0	6.5	6.4	6.0	6.0	7.0	8.0	7.1	0.0	Khá	Khá	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
22	15YS00372	Lê Quang	Vũ	Nam	06/02/1993	Gia Lai	8.5	7.7	7.0	8.0	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	6.9	8.0	9.0	8.8	8.9	6.9	6.7	6.5	7.6	7.5	9.4	6.7	9.1	8.0	7.0	6.4	8.0	7.0	8.0	7.0	8.9	6.2	8.0	7.0	7.0	8.0	7.8	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
23	15YS00321	Nguyễn Văn	Mỹ	Nam	04/04/1989	Tiền Giang	7.0	6.8	7.0	7.5	6.9	7.8	8.3	7.5	8.0	7.6	6.7	9.0	8.9	8.8	6.6	6.3	6.0	8.0	6.5	9.0	6.3	9.6	8.0	6.5	7.3	8.0	7.0	7.5	5.4	6.9	6.1	8.0	7.0	6.5	8.0	7.7	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2-15
24	15YS00720	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	01/09/1990	TP.HCM	6.4	7.0	7.0	6.4	6.6	9.4	5.0	7.5	6.5	8.6	7.6	9.0	8.9	8.9	7.4	6.0	6.0	7.5	6.5	9.2	6.0	9.1	7.0	7.0	6.2	7.0	8.0	6.4	5.0	7.9	5.5	6.5	8.0	7.0	5.0	7.7	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
25	15YS00641	Lại Thị	Duyên	Nữ	15/11/1988	Bình Dương	7.3	7.2	6.7	6.4	9.1	10.0	9.1	8.2	7.9	8.9	8.5	9.0	9.2	8.9	9.1	9.5	7.0	8.3	8.0	9.7	9.5	9.2	6.0	7.0	8.2	6.0	8.0	6.4	9.0	8.9	7.1	7.9	8.0	7.0	8.0	8.5	0.0	Giỏi	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
26	15YS00571	Trần Phước	Hậu	Nam	17/08/1995	Đồng Tháp	8.9	7.7	6.9	7.7	7.8	8.7	6.8	7.8	7.4	8.2	6.9	9.0	9.1	8.9	6.4	7.4	6.0	8.1	6.8	8.3	6.7	9.1	7.0	7.0	5.2	7.0	7.0	6.3	7.0	7.9	7.0	7.4	7.0	7.0	5.0	7.6	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
27	15YS00572	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	Nữ	02/12/1988	Tiền Giang	7.4	7.2	7.2	6.0	6.1	10.0	6.3	7.9	7.0	8.4	7.0	9.0	7.7	9.0	7.8	7.4	6.0	8.2	6.7	8.7	6.4	9.1	8.0	5.0	6.8	8.0	8.0	5.7	7.8	7.9	6.5	7.0	8.0	5.0	5.0	7.8	4.3	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
28	15YS00573	Nguyễn Phúc	Hoàng	Nam	05/08/1979	Quảng Nam	7.7	7.0	7.8	7.0	8.4	8.6	5.3	8.0	8.5	8.6	6.2	9.0	9.1	8.9	7.2	7.3	9.5	7.9	6.4	8.9	6.8	8.5	9.5	9.0	7.1	9.5	9.0	6.9	6.5	7.9	5.3	8.5	9.0	9.0	6.0	8.2	0.0	Giỏi	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
29	15YS00575	Lương Thị Bích	Hương	Nữ	26/10/1968	Campuchia	5.9	5.9	5.0	6.0	8.5	9.4	7.0	8.4	6.4	8.8	7.5	9.0	9.2	9.0	7.8	5.6	6.0	8.8	6.0	9.2	6.0	9.4	6.0	7.0	8.3	6.0	8.0	6.0	7.9	7.9	5.9	6.4	8.0	7.0	8.0	8.1	0.0	Giỏi	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
30	15YS00576	Nguyễn Công	Kiên	Nam	24/08/1980	Hưng Yên	7.9	6.6	6.3	6.1	8.5	10.0	6.3	7.7	6.2	8.3	6.6	9.0	9.1	8.7	8.8	5.4	7.0	8.1	7.8	8.6	5.4	9.5	7.0	7.0	6.8	7.0	7.0	6.1	7.0	7.9	5.0	6.2	7.0	7.0	5.0	7.8	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
31	15YS00582	Nguyễn Thị Xuân	Mai	Nữ	27/04/1991	TP.HCM	7.0	6.0	6.0	7.5	6.4	9.4	6.0	7.2	5.5	7.7	6.3	9.0	9.5	9.1	7.1	7.3	6.0	7.9	6.5	9.4	7.3	8.9	6.0	6.0	7.0	6.0	7.0	7.5	5.5	8.9	7.1	5.5	7.0	6.0	5.0	7.7	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
32	15YS00761	Cao Minh	Nguyệt	Nữ	24/05/1982	Bình Dương	6.0	7.1	7.8	6.0	7.7	9.4	8.3	7.9	6.9	8.7	7.0	9.0	7.9	7.6	8.2	7.8	6.0	8.3	7.0	9.5	7.8	8.8	7.0	7.0	6.0	7.0	7.0	6.0	7.6	7.9	6.4	6.9	7.0	7.0	7.0	7.9	4.2	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
33	15YS00654	Nguyễn Thị Thúy	Oanh	Nữ	10/05/1992	Bến Tre	8.5	7.8	5.4	6.9	8.0	6.4	7.9	8.5	8.0	8.0	7.9	9.0	8.7	8.5	8.1	6.3	7.0	8.3	7.0	9.2	6.3	8.6	7.0	7.0	7.5	7.0	6.0	6.9	8.0	7.9	5.8	8.0	6.0	7.0	8.0	7.9	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
34	15YS00707	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	30/05/1983	Đồng Tháp	6.0	7.0	8.0	7.0	5.0	8.7	5.0	7.9	5.0	8.1	6.1	9.0	7.6	6.7	6.0	8.0	6.0	8.0	7.0	8.8	6.0	8.9	6.0	6.0	5.2	6.0	6.0	7.0	6.0	8.9	6.1	5.0	6.0	6.0	5.0	7.2	7.1	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
35	15YS00578	Lê Thị Lan	Phương	Nữ	18/12/1982	TP.HCM	6.5	7.5	8.2	7.0	5.9	9.4	7.6	8.4	5.7	8.2	6.3	9.0	8.9	9.1	7.2	6.7	6.0	8.1	6.4	7.8	8.4	8.7	6.0	7.0	6.3	6.0	7.0	7.0	7.0	6.9	6.7	5.7	7.0	7.0	7.0	7.6	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
36	15YS00642	Nguyễn Chí	Thiện	Nam	16/11/1973	TP.HCM	6.0	6.5	8.0	6.7	6.2	10.0	6.3	8.7	7.0	8.3	6.0	9.0	8.0	9.2	6.8	8.0	6.0	7.9	7.0	8.7	8.0	9.3	8.0	7.0	6.0	8.0	7.0	6.7	7.0	7.9	6.7	7.0	7.0	7.0	5.0	7.8	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
37	15YS00655	Trương Thị Bé	Thơ	Nữ	22/08/1989	Bến Tre	8.9	8.7	7.4	7.1	7.5	8.3	8.9	7.5	8.0	8.4	7.5	9.0	9.1	8.9	8.5	8.5	9.0	7.9	7.5	9.1	8.5	9.7	8.5	9.0	8.5	8.5	9.0	7.1	9.0	8.9	7.3	8.0	9.0	9.0	8.0	8.6	0.0	Giỏi	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
38	15YS00709	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	26/10/1986	TP.HCM	7.0	7.0	7.0	7.0	7.3	10.0	6.5	8.4	7.0	8.0	7.8	9.0	9.1	8.9	8.7	7.0	7.0	7.7	7.0	9.5	9.0	9.4	7.0	7.0	8.2	7.0	7.0	7.0	6.0	8.9	6.1	7.0	7.0	7.0	8.0	8.2	0.0	Giỏi	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
39	15YS00579	Nguyễn Thị Sơn	Trang	Nữ	04/11/1995	Bình Định	9.0	5.9	6.0	5.4	5.9	8.8	5.8	7.8	8.4	8.4	6.7	9.0	9.5	9.0	7.3	5.4	6.0	7.7	5.0	8.8	7.0	9.1	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.7	8.9	7.9	8.4	7.0	6.0	6.0	7.7	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
40	15YS00750	Nguyễn Thị Bé	Trúc	Nữ	10/06/1995	Bến Tre	8.9	5.0	7.7	6.0	7.9	8.7	5.8	7.9	7.9	8.0	7.6	9.0	9.5	9.0	7.0	6.4	6.0	8.2	6.7	8.9	8.0	9.1	8.0	6.0	6.3	8.0	7.0	5.0	7.2	8.9	6.5	7.9	7.0	6.0	6.0	7.8	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
41	15YS00755	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	06/09/1982	Đồng Tháp	8.5	5.0	5.0	5.0	5.9	9.1	5.3	7.9	6.5	7.9	7.2	9.0	8.8	7.3	7.2	5.8	6.0	7.9	8.0	8.0	5.5	8.6	8.0	6.0	6.1	8.0	6.0	5.0	5.0	6.9	6.5	6.5	6.0	6.0	5.0	7.3	4.3	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
42	15YS00580	Nguyễn Ngọc	Tuấn	Nam	12/02/1993	Đồng Nai	8.2	5.9	7.5	7.7	6.5	8.6	5.9	7.3	6.4	7.3	6.4	9.0	9.1	8.8	7.0	6.4	6.0	8.1	6.5	8.5	6.0	7.1	8.0	6.0	7.0	8.0	8.0	7.7	5.7	8.9	5.7	6.4	8.0	6.0	5.0	7.4	2.9	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
43	15YS00581	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	05/11/1993	Quảng Bình	7.5	8.0	6.5	6.8	7.1	9.2	7.8	8.1	8.5	8.3	6.9	9.0	9.5	8.7	7.5	6.0	6.0	7.8	6.5	9.0	6.0	9.0	7.0	6.0	8.1	7.0	7.0	6.8	7.5	8.9	6.5	8.5	7.0	6.0	7.0	7.8	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
44	15YS00656	Trần Thị Kim	Tuyết	Nữ	27/03/1983	Bình Thuận	8.0	7.0	7.0	7.0	9.0	9.4	6.2	7.3	6.0	7.9	7.5	9.0	9.2	8.7	8.4	6.0	9.0	7.9	8.0	9.0	7.0	9.0	9.0	9.0	7.8	9.0	8.5	7.0	7.0	8.9	6.3	6.0	8.5	9.0	5.0	8.3	0.0	Giỏi	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
45	15YS00637	Võ Thị Ánh	Tuyết	Nữ	08/11/1977	TP.HCM	8.4	5.7	6.9	6.5	6.1	10.0	8.4	7.6	8.0	8.0	7.2	9.0	8.9	9.3	7.1	7.4	6.0	8.2	6.9	9.1	8.9	8.0	7.0	7.0	6.1	7.0	5.0	6.9	6.5	8.9	7.4	8.0	5.0	7.0	5.0	7.7	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
46	15YS00643	Lâm Thị Mỹ	Vân	Nữ	12/03/1976	TP.HCM	7.9	6.0	7.7	6.0	6.0	5.0	9.6	5.0	8.0	8.7	7.5	9.0	6.0	9.6	8.6	6.0	9.5	8.7	7.5	9.8	6.0	10.0	9.0	9.5	8.3	9.0	9.5	6.0	7.0	8.9	7.5	8.0	9.5	9.5	8.5	8.8	0.0	Giỏi	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
47	15YS00710	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	Nữ	17/06/1980	Long An	6.0	7.1	7.0	6.5	7.9	6.9	8.7	7.4	9.0	8.8	7.8	9.0	7.9	9.1	7.8	7.0	6.0	8.6	6.0	9.4	7.0	9.9	6.0	7.0	6.5	6.0	7.0	6.5	8.0	8.9	9.0	9.0	7.0	7.0	7.0	8.1	0.0	Giỏi	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
48	15YS00583	Hoàng Thị Ngọc	Yến	Nữ	23/10/1985	TP.HCM	6.0	7.0	7.2	9.0	7.7	8.8	5.6	8.4	6.0	8.0	6.7	9.0	7.1	9.1	6.6	6.0	6.0	6.9	7.0	7.1	5.0	8.2	5.0	7.0	5.8	5.0	7.0	9.0	8.0	7.9	6.3	6.0	7.0	7.0	5.0	7.2	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
49	15YS00657	Vi Mỹ	Hiền	Nữ	26/07/1994	Cần Thơ	8.7	6.2	7.0	5.9	5.5	9.4	6.8	7.0	8.3	8.3	8.1	9.0	9.1	9.2	6.3	6.2	6.0	8.2	7.1	8.7	6.2	7.9	6.0	6.0	7.7	6.0	8.0	5.9	5.9	8.9	5.8	8.3	8.0	6.0	5.0	7.6	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3-15
50	15YS00681	Huỳnh Thị	Loan	Nữ	03/10/1983	TP.HCM	7.0	5.8	7.0	8.0	5.4	10.0	9.0	7.0	8.0	8.8	7.6	9.0	7.9	8.6	8.5	6.0	6.0	8.4	8.0	9.3	6.0	8.9	7.0	7.0	6.8	7.0	7.0	8.0	7.6	7.9	5.9	8.0	7.0	7.0	5.0	7.8	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3-15
51	15YS00585	Phạm Võ Thiên	Phương	Nữ	29/08/1992	TP.HCM	7.3	5.8	5.3	7.7	6.8	10.0	7.6	8.1	8.0	7.6	6.7	9.0	8.9	8.7	7.2	5.4	6.0	8.2	7.0	8.9	5.4	9.1	8.0	7.0	6.0	8.0	7.0	7.7	8.0	7.9	6.1	8.0	7.0	7.0	5.0	7.7	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3-15
52	15YS00683	Nguyễn Minh	Tâm	Nam	10/09/1988	Long An	7.3	5.9	6.7	6.8	5.0	8.8	8.2	7.5	8.0	8.0	6.7	9.0	7.7	8.5	7.9	6.8	6.0	8.1	8.1	8.8	6.8	7.5	8.0	6.0	6.7	8.0	6.0	6.8	8.0	7.9	6.0	8.0	6.0	6.0	7.0	7.6	6.3	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3-15
53	15YS00586	Nguyễn Minh	Thành	Nam	01/12/1984	Long An	5.0	6.6	7.0	5.0	5.9	8.2	7.6	7.5	8.0	7.6	7.7	9.0	6.8	8.7	6.9	5.0	6.0	8.0	6.0	8.9	5.0	8.9	7.0	6.0	5.8	7.0	6.0	5.0	8.0	8.9	6.1	8.0	6.0	6.0	7.0	7.4	0.0	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3-15
54	15YS00370	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	31/10/1983	Lâm Đồng	7.0	7.5	8.0	7.0	8.7	10.0	8.6	8.1	9.0	8.7	8.7	9.0	9.2	9.0	8.4	7.5	7.0	8.7	6.7	9.7	7.5	9.7	7.0	7.0	9.2	7.0	7.0	7.0	8.0	8.9	6.8	9.0	7.0	7.0	5.0	8.4	0.0	Giỏi	Xuất Sắc	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3-15
55	15YS00634	Võ Minh	Tiến	Nam	01/03/1992	Đồng Tháp	9.2	6.0	6.5	8.5	6.8	8.2	8.0	7.8	8.0	7.2	6.0	9.0	8.5	8.1	6.4	10.0	6.0	8.3	8.0	8.1	10.0	7.8	7.0	5.0	5.6	7.0	8.0	8.5	7.6	7.9	5.2	8.0	8.0	5.0	5.0	7.4	8.8	Khá	Tốt	Đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3-15

BẢNG ĐIỂM TOÀN KHÓA_ XÉT ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP -LẦN 1 - KHÓA THI NGÀY 19/12/2016
NGÀNH: Y SỸ, KHÓA: 8 (ĐỢT 1,2) - NIÊN KHÓA: 2015-2017
LỚP: Y8VBE2

Tổng số ĐVHT toàn khóa: 93

STT	MSSV	Họ Và Tên		Giới tính	Ngày Tháng Năm sinh	Nơi sinh	HỌC PHẦN: Giáo dục thể chất (HPĐK	Chính trị	Pháp luật	Tin học đại cương	Vi sinh Ký sinh trùng	Giải phẫu sinh lý	Dược lý	Vệ sinh phòng bệnh	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	Bệnh học Nội	Điều dưỡng CB &	TT ĐDCB và KTĐ	Dinh dưỡng	Bệnh truyền nhiễ	Sức khỏe trẻ em	Anh văn cơ bản	TT lâm sàng Nội	Bệnh học ngoại	GDQP (HPĐK)
							2	5	2	2	2	5	3	2	3	5	3	2	2	5	5	3	3	4	3
							TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK
56	15YS00308	Nguyễn Lưu Thu	**Hiền**	Nữ	08/11/1983	Thuận Hải	9.0	6.5	7.7	6.4	7.3	7.3	0.0	8.8	7.7	0.0	6.4	0.0	0.0	9.2	0.0	8.0	0.0	0.0	8.0
57	15YS00357	Đoàn Thị Tuyết	**Thảo**	Nữ	24/07/1988	Phú Yên	6.1	10.0	8.0	7.3	0.0	0.0	9.3	0.0	6.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	6.3	0.0	0.0	7.0
58	15YS00667	Lê Văn	**Chung**	Nam	27/07/1987	Thanh Hóa	6.0	6.0	6.0	7.0	6.1	8.0	0.0	6.5	9.0	7.7	5.1	9.0	5.1	0.0	0.0	6.0	6.0	8.1	7.0
59	15YS00574	Trần Quốc	**Hoàng**	Nam	12/06/1990	Đồng Tháp	9.2	6.3	6.5	5.0	0.0	0.0	7.4	0.0	7.5	7.9	7.3	0.0	0.0	9.3	0.0	5.5	0.0	4.0	6.9
60	15YS00653	Trần Thị Ngọc	**Huyền**	Nữ	13/10/1995	TP.HCM	9.0	6.1	6.2	9.5	6.3	9.1	7.8	7.3	8.0	7.5	7.0	9.0	0.0	9.2	0.0	8.2	6.0	8.0	5.9
61	15YS00577	Phạm Thị Mỹ	**Liên**	Nữ	29/10/1983	Bình Thuận	0.0	0.0	0.0	0.0	7.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	9.0	0.0	0.0	0.0	0.0	6.0	0.0	0.0
62	15YS00680	Lê Phương	**Như**	Nữ	20/01/1992	TP.HCM	7.8	6.1	6.3	7.0	0.0	0.0	0.0	8.7	6.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	7.5	0.0	0.0	6.0
63	15YS00708	Phan Vũ Ngọc	**Quý**	Nữ	11/03/1983	TP.HCM	9.7	5.4	6.2	5.5	6.3	10.0	7.1	0.0	8.5	7.8	4.0	9.0	0.0	8.9	0.0	6.9	6.0	4.0	6.6
64	15YS00721	Đặng Thanh	**Bình**	Nam	20/11/1986	Bến Tre	9.3	7.5	9.0	6.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	8.6	0.0	6.1	0.0	0.0	7.0
65	15YS00584	Võ Xuân	**Nhân**	Nam	24/05/1988	Bình Định	8.7	6.0	7.0	6.0	6.8	9.4	0.0	0.0	0.0	8.2	7.2	9.0	0.0	9.0	0.0	6.6	6.0	8.3	6.7
66	15YS00682	Nguyễn Thị Mỹ	**Quyên**	Nữ	19/02/1977	TP.HCM	8.0	6.7	6.0	7.3	8.2	9.3	9.3	8.1	8.0	7.9	7.7	9.0	9.5	8.7	0.0	5.5	6.0	7.5	7.0

STT	Sức khỏe sinh sản	Anh văn chuyên	Bệnh chuyên khoa	TT Lâm sàng ngoại	TT Lâm sàng Nhi	Y học cổ truyền	TT Truyền nhiễm	TT Sản phụ khoa	Tin học chuyên	Tổ chức quản lý y	Y tế cộng đồng	Phục hồi chức năng	Kỹ năng giao tiếp	TT Lâm sàng y học	Thực tập cộng đồng	Thực tập tốt nghiệ	TỔNG KẾT HỌC KỲ I: Điểm TB TK	% Số ĐVHT thi lại	Xếp loại học tập TK	Xếp loại rèn luyện TK	Ghi chú	Lớp
	5	2	4	3	3	2	1	1	2	2	3	2	2	1	1	3						
		TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK	TK		TK	TK	TK						
56	0.0	8.0	0.0	0.0	0.0	9.5	0.0	0.0	6.4	8.8	5.9	7.3	7.7	0.0	0.0	0.0	1.4	3.6	**Kém**	TB Khá	Không đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
57	0.0	6.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	7.3	9.5	0.0	0.0	6.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	**Kém**	Trung bình	Không đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE2
58	0.0	6.0	0.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	7.0	5.0	0.0	5.3	9.0	7.0	5.0	5.0	4.0	0.0	**Kém**	Tốt	Không đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
59	0.0	6.9	0.0	0.0	0.0	8.3	0.0	0.0	5.4	7.0	0.0	5.7	7.5	0.0	0.0	0.0	2.4	0.0	**Kém**	Khá	Không đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
60	0.0	7.1	0.0	7.0	6.0	5.9	7.0	8.0	7.2	7.2	8.9	5.7	8.0	8.0	6.0	5.0	5.8	0.0	**Trung bình**	Tốt	Không đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
61	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.4	0.0	**Kém**	TB Khá	Không đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
62	0.0	8.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	7.0	5.7	0.0	0.0	6.8	0.0	0.0	0.0	0.3	0.0	**Kém**	TB Khá	Không đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
63	0.0	8.2	0.0	7.0	6.0	6.8	7.0	8.0	6.4	6.0	0.0	7.1	8.5	8.0	6.0	0.0	4.7	0.0	**Yếu**	Tốt	Không đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3
64	0.0	6.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	6.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.8	0.0	**Kém**	TB Khá	Không đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3-15
65	0.0	6.0	0.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	6.0	0.0	0.0	6.1	0.0	7.0	6.0	0.0	4.4	0.0	**Yếu**	Tốt	Không đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3-15
66	9.4	5.5	8.8	6.0	7.0	7.4	6.0	8.0	7.3	8.0	8.9	6.3	8.0	8.0	7.0	7.0	7.4	0.0	**Khá**	Tốt	Không đủ điều kiện dự thi TN	Y8VBE3-15

Tổng danh sách: 66 học sinh

Ghi chú: **Xếp loại kết quả học tập theo học kỳ và năm học căn cứ vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, cụ thể:**

- Loại Xuất sắc: Từ 9,0 đến 10 điểm *- Loại Trung bình: Từ 5,0 đến 5,9 điểm* *- Loại Yếu: Từ 4,0 đến 4,9 điểm*

- Loại Khá: Từ 7,0 đến 7,9 điểm *- Loại TB khá: Từ 6,0 đến 6,9 điểm* *- Loại Kém: Dưới 4,0 điểm*

Học sinh có điểm đạt xếp loại giỏi trở lên bị hạ xuống một mức xếp loại nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau

- Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong học kỳ hoặc năm học được xếp loại kết quả học tập

- Có tổng số ĐVHT của các học phần thi lại vượt quá 10% so với tổng số ĐVHT quy định cho học kỳ, năm học

TP.HCM, ngày 07 tháng 12 năm 2016

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG **PHÒNG ĐÀO TẠO** **HIỆU TRƯỞNG**

<u>* Kết quả học tập:</u>

XẾP LOẠI	SL	TL%
Xuất sắc	-	-
Giỏi	14	21.2
Khá	40	60.6
TB Khá	2	3.0
Trung bình	1	1.5
Yếu	2	3.0
Kém	7	10.6
TỔNG	**66**	**100**

<u>* Kết quả rèn luyện:</u>

XẾP LOẠI	SL	TL%
Xuất sắc	16	24.2
Tốt	43	65.2
Khá	2	3.0
TB Khá	4	6.1
Trung bình	1	1.5
Yếu	-	-
Kém	-	-
TỔNG	**66**	**100**

XÉT ĐK DỰ THI TN

	SL	TL%
Đủ điều kiện dự thi	55	83.3
Không đủ ĐK dự thi TN	11	16.7
Tổng	**66**	**100**